

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 33/2021/DS-ST

Ngày: 20 - 4 - 2021

*"V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hụi"*.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lanh**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Đỗ Tứ Hải**.

2. Ông: **Huỳnh Văn Hồng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên
tòa:** Bà **Đặng Thị Nghĩa** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2020/TLST – DS ngày 19 tháng
10 năm 2020 về *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo quyết định đưa vụ án ra
xét xử số: 47/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân
dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T** – sinh năm: 1975 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Q, xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* 2.1. Anh **Phạm Văn A** – sinh năm: 1977 (vắng mặt).

2.2. Chị **Cao Thị Thúy G** – sinh năm: 1980 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người làm chứng:*

3.1. Chị **Nguyễn Thị T** – sinh năm: 1971 (có mặt).

3.2. Chị **Nguyễn Thị T** – sinh năm: 1961 (vắng mặt).

3.3. Chị **Mai Thị Cẩm L** – sinh năm: 1964 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3.4. Chị **Trần Thị U** – sinh năm: 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 15/10/2020, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:**

Chị là hội viên còn anh Phạm Văn X và chị Cao Thị Thúy G là đầu T của 01 dây hội cụ thể: Hội mở ngày 20/9(âl)/2016 nhằm ngày 20/10(dl)/2016 mãng ngày 20/5(âl)/2018 nhằm ngày 3/7(dl)/2018, loại hội tiền là 1.000.000đ, một tháng khai hội một lần, có 28 hội viên, tiền huê hồng cho đầu T là 400.000đ/lần khai hội, chị tham gia một phần. Chị đóng được 21 lần hội sống, đến lần thứ 22 thì hội bẻ. Chị đã đóng 21 lần hội sống với số tiền là 16.800.000đ sau đó chị G trả cho chị được 2.000.000đ nên chị G và anh X còn nợ lại chị tiền hội là 14.800.000đ.

Nay chị T yêu cầu anh Phạm Văn X và chị Cao Thị Thúy G phải trả cho chị T số tiền nợ hội là 14.800.000đ.

*** Tại bảng khai ý kiến ngày 12/11/2020, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Cao Thị Thúy G trình bày:**

Chị là đầu T hội, hội mở ngày 20/9(âl)/2016 ngày mãng hội thì chị không nhớ, loại hội tiền là 1.000.000đ, một tháng khai hội một lần, có 28 hội viên, tiền huê hồng cho đầu T là 400.000đ/lần khai hội. Đối với dây hội này thì chị Nguyễn Thị T không có tham gia góp hội chỉ có chị ruột của chị T là chị Nguyễn Thị T tham gia góp hội. Mỗi lần khai hội và đóng hội là do chị T đóng hội cho chị, chị T không có đi khai hội và không có đóng tiền hội cho chị. Trong danh sách hội ghi tên T là E ruột của chị tên Cao Thị Phương T, sinh năm 1988, địa chỉ ấp An Thành, xã Tân An Thạnh, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tại phiên tòa hôm nay chị T cho rằng ở dây hội khai ngày 20/9(âl)/2016 chị T không có tham gia mà chị T tham gia thì chị và anh X đồng ý trả cho chị T số tiền 14.800.000đ.

*** Người làm chứng chị Nguyễn Thị E vắng mặt nhưng tại bảng khai ý kiến ngày 12/11/2020 chị E trình bày:** Chị và chị T, chị G không có bà con họ hàng gì với nhau, chỉ là ở xóm cùng nhau. Trong dây hội mở ngày 20/9(âl)/2016 mãng ngày 20/5(âl)/2018 thì chị có tham gia góp hội 01 phần do chị G và anh X làm đầu T, trong danh sách hội ghi tên “2 E Ghe”. Trong dây hội này thì chị T có tham gia góp hội cùng với chị, chị T có đi khai hội cùng với chị được 03-04 lần tại nhà chị G. Chị T đã đóng được bao nhiêu lần hội sống thì chị không biết. Chị đóng được 20 lần hội sống thì chị G nói không khai hội nữa, chị G phải trả lại chị 20.000.000đ tiền hội nhưng sau đó chị G đã trả cho chị được 6.000.000đ và chị có bắt một con heo con của chị T nên trừ lại 2.000.000đ, chị G và anh X còn thiếu lại chị là 12.000.000đ.

*** Người làm chứng chị Mai Thị Cẩm L vắng mặt nhưng tại bảng khai ý kiến ngày 12/11/2020 chị L trình bày:**

Chị và chị T, chị G không có bà con họ hàng gì với nhau, chỉ là ở xóm cùng nhau. Trong dây hội mở ngày 20/9(âl)/2016 mãng ngày 20/5(âl)/2018 thì chị có tham gia góp hội 01 phần do chị G và anh X làm đầu T, trong danh sách hội ghi tên “Tú 4 Sáng”. Trong dây hội này thì chị T có tham gia chơi hội cùng với chị, chị T có đi khai hội cùng với chị được 02-03 lần tại nhà chị G. Chị T đã

đóng được bao nhiêu lần hội sống thì chị không biết. Phần hội này thì chị G đã giao đủ tiền cho chị rồi.

*** Người làm chứng chị Trần Thị U vắng mặt nhưng tại bảng khai ý kiến ngày 12/11/2020 chị U trình bày:**

Chị và chị T, chị G không có bà con họ hàng gì với nhau, chỉ là ở xóm cùng nhau. Trong dây hội mở ngày 20/9(âl)/2016 mãng ngày 20/5(âl)/2018 thì chị có tham gia góp hội 01 phần do chị G và anh X làm đầu T, trong danh sách hội ghi tên “U vé số”. Trong dây hội này thì chị T có tham gia chơi hội cùng với chị, chị T có đi khai hội cùng với chị được 03-04 lần tại nhà chị G. Chị T đã đóng được bao nhiêu lần hội sống thì chị không biết. Phần hội này thì chị G đã giao đủ tiền cho chị rồi.

*** Tại bảng khai ý kiến ngày 12/11/2020, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà hôm nay người làm chứng chị Nguyễn Thị T trình bày:**

Chị là chị ruột của chị T. Trong dây hội mở ngày 20/9(âl)/2016 mãng ngày 20/5(âl)/2018 thì chị không có tham gia góp hội, trong danh sách hội ghi tên “Chị T” thì chị không biết, mỗi lần khai hội thì chị không có đi khai hội và chị không có đóng hội cho dây hội này. Trong dây hội này chị cũng không có góp hội dùm E chị là T.

*** Người làm chứng chị Cao Thị Phương T vắng mặt nhưng tại bảng khai ý kiến ngày 13/01/2021 chị Phương T trình bày:**

Chị là E ruột của chị G, chị có tham gia góp 02 dây hội do chị G làm đầu T, một dây hội mở ngày 20 tháng năm thì chị không nhớ và một dây hội mở ngày 15 tháng năm thì chị không nhớ, các lần khai hội thì chị không có đi khai hội và chị cũng không biết có ai tham gia góp hội cùng với chị, chị cũng không có danh sách hội, khi đóng tiền hội thì chị G điện thoại nói lại với chị số tiền rồi chị gửi tiền đóng cho chị G.

Theo đơn xác nhận của Công An xã Quới An ngày 19/10/2020 do nguyên đơn cung cấp thì nhân khẩu Phạm Văn X, sinh năm 1977 đăng ký thường trú tại ấp An Quới, xã Quới An, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Bị đơn anh Phạm Văn X đã được Tòa án tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng do vợ là chị Cao Thị Thuý G nhận thay nhưng anh X không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử. Xét việc vắng mặt của anh X không gây trở ngại cho việc xét xử nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh X.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến:** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp pháp luật.

Hướng giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 246, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường, Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc yêu cầu anh Phạm Văn X và chị Cao Thị Thúy G phải có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền nợ hui là 14.800.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Cao Thị Thúy G, anh Phạm Văn X phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 740.000đ (Bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

* Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện; Sổ hộ khẩu, CMND (bản sao); Đơn xin xác nhận; Danh sách hui viên; Dịch vụ chuyển phát nhanh.

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hui giữa chị T và chị G, anh X. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Phạm Văn X vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh X nhưng anh X cũng không đến Tòa án. Nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh X.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng góp hui giữa chị T và chị G, anh X được thiết lập dựa trên sự tự nguyện giữa đôi bên nên hợp đồng này phù hợp theo quy định của pháp luật.

Chị T trình bày chị là hui viên chị có tham gia hui do chị G và anh X là đầu T của 01 dây hui, hui mở ngày 20/9(âl)/2016 nhằm ngày 20/10(dl)/2016 mãng ngày 20/5(âl)/2018 nhằm ngày 3/7(dl)/2018, loại hui tiền là 1.000.000đ, một tháng khui hui một lần, có 28 hui viên, tiền huê hồng cho đầu T là

400.000đ/lần khai hội, chị tham gia một phần. Chị đóng được 21 lần hội sống, đến lần thứ 22 thì hội bẻ. Chị đã đóng 21 lần hội sống với số tiền là 16.800.000.000đ, sau đó chị G trả cho chị được 2.000.000đ nên chị G và anh X còn nợ lại chị tiền hội là 14.800.000đ.

Nay chị T yêu cầu anh Phạm Văn X và chị Cao Thị Thúy G phải trả cho chị T số tiền nợ hội là 14.800.000đ.

Chị G trình bày chị là đầu T hội, hội mở ngày 20/9(âl)/2016 ngày mùng hội thì chị không nhớ, loại hội tiền là 1.000.000đ, một tháng khai hội một lần, có 28 hội viên, tiền huê hồng cho đầu T là 400.000đ/lần khai hội. Đối với dây hội này thì chị T không có tham gia góp hội chỉ có chị ruột của chị T là chị T tham gia góp hội. Mỗi lần khai hội và đóng hội là do chị T đóng hội cho chị, chị T không có đi khai hội và không có đóng tiền hội cho chị. Trong danh sách hội ghi tên T là E ruột của chị tên Cao Thị Phương T. Tại phiên tòa hôm nay chị T cho rằng chị T không có tham gia góp hội ở dây hội khai ngày 20/9(âl)/2016 nên chị G đồng ý trả cho chị T số tiền hội là 14.800.000đ, anh X vắng mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T buộc chị G và anh X có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền nợ hội là 14.800.000đ.

Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, về nội dung của vụ kiện là phù hợp với quy định.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị G và anh X phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 740.000đ.

Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Buộc chị Cao Thị Thúy G và anh Phạm Văn X phải có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền nợ hội là 14.800.000đ (Mười bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Cao Thị Thúy G và anh Phạm Văn X phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 740.000đ (Bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 525.000đ (Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰0008553, ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thị Lanh